

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 72/TTr-SNN ngày 01 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đã được công bố tại các quyết định:

- Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế, sửa

đổi, bổ sung và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, địa chỉ <http://www.baria-vungtau.gov.vn>.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC) (b/c);
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NC7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Thủy sản								
1	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 03 ngày</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: 	Chưa có văn bản quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu 	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành

				làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.		http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn .		cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hồ sơ: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến (Dịch	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá;	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát

				30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.		vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn .		công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng	Hồ sơ: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18

				<p>giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p>	Tàu	<p>ích;</p> <p>- Nộp trực tuyến (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p>		<p>và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.</p>	<p>tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
4	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	Xóa đăng ký tàu cá	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và	- Trung tâm Phục	Hồ sơ:	Chưa có văn bản quy	- Luật Thủy sản năm 2017;	Những nội dung còn lại của thủ

			<p>trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p>	<p>vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. 	<p>định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy 	<p>tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
--	--	--	---	--	--	--------------	--	---

								sản.	
5	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. 	Chưa có văn bản quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của 	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

								Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	
6	1.003563	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra.</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. 	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; 	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp

								<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.</p> <p>- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều</p>	và Phát triển nông thôn.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--------------------------

								kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
7	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) tại địa chỉ: http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. 	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-</p>	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

				phục hồi).				<p>BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.</p> <p>- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ</p>
--	--	--	--	------------	--	--	--	--

								phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
--	--	--	--	--	--	--	--	---	--

BIỂU PHÍ, LỆ PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí		
1	Lệ phí cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá Việt Nam		
a	Cấp mới, cấp đổi giấy phép do đổi nội dung trong giấy phép	Đồng/lần	40.000
b	Cấp lại	Đồng/lần	20.000
2	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động thủy sản đối với tàu cá nước ngoài		
a	Cấp mới, cấp đổi giấy phép do đổi nội dung trong giấy phép	USD/lần	200
b	Gia hạn hoặc cấp lại	USD/lần	100
II	Phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá		
1	Thẩm định thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá	Đồng	5% giá thiết kế
2	Giám sát kỹ thuật đóng mới (kể cả các phương tiện chưa được cơ quan đăng kiểm kiểm tra - kiểm tra lần đầu)	Đồng	C là giá trị đóng mới
a	Giá đóng mới trên 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng	Đồng	910.000 + (C-100.000.000) x 0,007
b	Giá đóng mới trên 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	Đồng	2.310.000 + (C-300.000.000) x 0,006
c	Giá đóng mới trên 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	Đồng	6.510.000 + (C-1.000.000.000) x 0,005
d	Giá đóng mới trên 2.000.000.000 đồng	Đồng	11.510.000 + (C-2.000.000.000) x 0,004
3	Giám sát kỹ thuật cải hoán, sửa chữa phục hồi		C là giá trị cải hoán, sửa chữa phục

			hồi
a	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi đến 15.000.000 đồng	Đồng	300.000
b	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 15.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	Đồng	300.000 + (C-15.000.000) x 0,016
c	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng	Đồng	860.000 + (C-50.000.000) x 0,012
d	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 150.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng	Đồng	2.060.000 + (C-150.000.000) x 0,009
đ	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 350.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng	Đồng	3.860.000 + (C-350.000.000) x 0,007
e	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 700.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng	Đồng	6.310.000 + (C-700.000.000) x 0,005
g	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 1.200.000.000 đồng đến 2.500.000.000 đồng	Đồng	8.810.000 + (C-1.200.000.000) x 0,003
h	Giá cải hoán, sửa chữa phục hồi trên 2.500.000.000 đồng	Đồng	12.710.000 + (C-2.500.000.000) x 0,001
4	Kiểm tra bất thường, tai nạn	Đồng/lần/tàu	Bảng mức thu phí kiểm tra hàng năm
5	Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá hàng năm		
a	Kiểm tra phần vỏ tàu tính theo dung tích (GT)	Đồng/GT	2.000
b	Kiểm tra phần máy tàu (Tổng công suất máy chính + máy phụ (KW))	Đồng/KW	1.360
c	Thiết bị hàng hải	Đồng/lần/hệ thống	75.000
d	Thiết bị vô tuyến điện	Đồng/lần/hệ thống	75.000
đ	Phương tiện tín hiệu	Đồng/lần/hệ thống	37.000
e	Phương tiện cứu sinh	Đồng/lần/hệ thống	75.000
g	Trang thiết bị nghề cá	Đồng/lần/hệ thống	130.000
h	Các trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn được trang bị trên tàu cá		
	- Bình chịu áp lực:		
	Dung tích bình chịu áp lực, $V \leq 0,3 \text{ m}^3$	Đồng/lần	75.000
	Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến 1 m^3	Đồng/lần	150.000

	- Các thiết bị lạnh:		
	Dưới 30.000 kcal/h	Đồng/hệ thống	1.050.000
	Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal	Đồng/hệ thống	1.500.000
	Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal	Đồng/hệ thống	2.250.000
6	Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá: Kiểm tra định kỳ		
a	Kiểm tra phần vỏ tàu tính theo dung tích	Đồng/GT	5.000
b	Kiểm tra phần hệ động lực và trang thiết bị buồng máy	Đồng/KW	4.080
c	Thiết bị hàng hải	Đồng/lần/hệ thống	135.000
d	Thiết bị vô tuyến điện	Đồng/lần/hệ thống	187.000
đ	Phương tiện tín hiệu	Đồng/lần/hệ thống	45.000
e	Phương tiện cứu sinh	Đồng/lần/hệ thống	135.000
g	Trang thiết bị nghề cá	Đồng/lần/hệ thống	150.000
h	Trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn		
	- Bình chịu áp lực:		
	Dung tích bình chịu áp lực, $V \leq 0,3 \text{ m}^3$	Đồng/lần	105.000
	Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến 1 m^3	Đồng/lần	225.000
	- Các thiết bị lạnh:		
	Dưới 30.000 kcal/h	Đồng/hệ thống	1.500.000
	Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal	Đồng/hệ thống	2.250.000
	Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal	Đồng/hệ thống	3.000.000
7	Kiểm tra phao cứu sinh (áp dụng cho cơ sở sản xuất phao - tính theo mẫu kiểm tra)		
a	Dụng cụ nổi cứu sinh	Đồng/lần/mẫu	3.000.000
b	Phao tròn; phao áo	Đồng/lần/mẫu	1.500.000
8	Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá trung gian (trên đà)		
a	Kiểm tra phần thân vỏ tàu tính theo dung tích	Đồng/GT	3.500
b	Kiểm tra phần máy tàu (Tổng công suất máy chính + máy phụ)	Đồng/KW	2.720
c	Thiết bị hàng hải	Đồng/lần/hệ thống	105.000
d	Thiết bị vô tuyến điện	Đồng/lần/hệ thống	131.000
đ	Phương tiện tín hiệu	Đồng/lần/hệ thống	41.000
e	Phương tiện cứu sinh	Đồng/lần/hệ thống	105.000
g	Trang thiết bị nghề cá	Đồng/lần/hệ thống	140.000
h	Các trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn được trang bị trên tàu cá		

	- Bình chịu áp lực:		
	Dung tích bình chịu áp lực, $V \leq 0,3 \text{ m}^3$	Đồng/lần	90.000
	Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến 1 m^3	Đồng/lần	187.500
	- Các thiết bị lạnh:		
	Dưới 30.000 kcal/h	Đồng/hệ thống	1.275.000
	Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal	Đồng/hệ thống	1.875.000
	Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal	Đồng/hệ thống	2.625.000
III	Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản	Đồng/lần	150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn). Tối đa 700.000 đồng/lần
IV	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá)	Đồng/lần	12.450.000

Ghi chú:

- Mức thu phí kiểm định đối với thiết bị, phương tiện của tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét bằng 50% mức thu phí tương ứng quy định tại tiết c, d, đ, e điểm 5, tiết c, d, đ, e điểm 6 và tiết c, d, đ, e điểm 8 Mục II Biểu phí, lệ phí nêu trên.
- Mức thu tại Mục IV Biểu phí, lệ phí nêu trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn kiểm tra thẩm định cấp giấy chứng nhận. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định pháp luật.
- Giá trị C quy định tại khoản 2 và khoản 3 Mục II Biểu phí, lệ phí là tổng chi phí (chi phí nhân công, giá vật tư, trang thiết bị, máy móc, lắp đặt trên tàu) đóng mới; cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá được thể hiện trên Hợp đồng hoặc hóa đơn, chứng từ hợp pháp do chủ tàu cung cấp. Trường hợp tổng chi phí do chủ tàu cung cấp thấp hơn giá đóng mới; cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt (nếu có) thì áp dụng theo giá do Ủy ban nhân dân quyết định làm căn cứ tính và thu phí./.